

Số: 2030/VPCP-KSTT

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2018

V/v gửi báo cáo quý I/2018 về  
tình hình triển khai và kết quả  
thực hiện Nghị quyết 36a về  
Chính phủ điện tử

HỎA TỐC

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

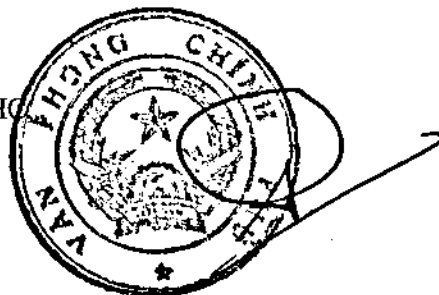
Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử (gọi tắt là Nghị quyết 36a), để chuẩn bị cho báo cáo quý I năm 2018 về tình hình thực hiện Nghị quyết 36a trình Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2018, Văn phòng Chính phủ đề nghị các cơ quan báo cáo tình hình triển khai các giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ cụ thể tại Phần IV Nghị quyết 36a và một số nhiệm vụ về Chính phủ điện tử tại Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.

Đề nghị các cơ quan gửi báo cáo, nêu rõ tình hình triển khai, kết quả đạt được tính đến quý I năm 2018 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ chưa hoàn thành, đề xuất biện pháp thúc đẩy các nhiệm vụ được giao, thống kê số liệu về việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo phụ lục phát hành kèm theo công văn này và gửi về Văn phòng Chính phủ trước ngày 17 tháng 3 năm 2018, gửi bản mềm tới hộp thư điện tử [tranductrung@chinhphu.vn](mailto:tranductrung@chinhphu.vn).

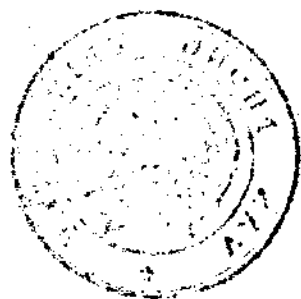
Nơi nhận:

- Như trên;
- TTg, PTTg Vũ Đức Đam (để b/c);
- VPCP: BTCN,  
Trợ lý TTg, các Vụ: KTTH, ĐMDN, TH, H  
KGVX, Công TTĐTCP, TTH;
- Lưu: VT, KSTT(3b).m. *lso*

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Mai Tiến Dũng





**Phụ lục**  
**THÔNG KÊ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT 36a, NGHỊ QUYẾT 01**  
**VÀ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**  
(*Kèm theo công văn số 2030/VPCP-KSTT ngày 05 tháng 3 năm 2018*  
*của Văn phòng Chính phủ*)

**I. NHIỆM VỤ KÊ TẠI NGHỊ QUYẾT 36a VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ VỀ**  
**CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ TẠI NGHỊ QUYẾT 01**

Stt	Cơ quan	Số nhiệm vụ cụ thể được giao		Số nhiệm vụ đã hoàn thành		Số nhiệm vụ đang triển khai	
		NQ36a	NQ01	NQ36a	NQ01	NQ36a	NQ01
...	Bộ ....						

**1. Bộ Thông tin và Truyền thông**

a) Nhiệm vụ đã hoàn thành cần báo cáo số liệu triển khai tại Khoản b Điều 3 Phần IV Nghị quyết 36a.

b) Nhiệm vụ chưa hoàn thành theo Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết 36a năm 2017 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018 tại Khoản h, i, k Điều 3 Phần IV Nghị quyết 36a.

c) Nhiệm vụ cụ thể về xây dựng Chính phủ điện tử tại Nghị quyết 01 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018 tại nhiệm vụ số 166, 167, 168, 169, 170, 171 Phụ lục II Nghị quyết 01.

**2. Bộ Tài chính**

a) Nhiệm vụ đã hoàn thành cần báo cáo số liệu triển khai tại Khoản c, d Điều 4 Phần IV Nghị quyết 36a.

b) Nhiệm vụ chưa hoàn thành theo Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết 36a năm 2017 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018 tại Khoản a, đ Điều 4 Phần IV Nghị quyết 36a.

c) Nhiệm vụ cụ thể về xây dựng Chính phủ điện tử tại Nghị quyết 01 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018 tại nhiệm vụ số 159, 161 Phụ lục II Nghị quyết 01.

**3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

Nhiệm vụ đã hoàn thành cần báo cáo số liệu triển khai tại Khoản b, đ Điều 5 Phần IV Nghị quyết 36a.

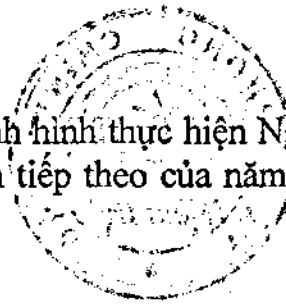
**4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:**

a) Nhiệm vụ đã hoàn thành cần báo cáo số liệu triển khai tại Điều 6 Phần IV Nghị quyết 36a.

b) Nhiệm vụ cụ thể về xây dựng Chính phủ điện tử tại Nghị quyết 01 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018 tại nhiệm vụ số 173 Phụ lục II Nghị quyết 01.

## **5. Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Nhiệm vụ chưa hoàn thành theo Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết 36a năm 2017 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018 tại Khoản b, c Điều 7 Phần IV Nghị quyết 36a.



## **6. Bộ Giao thông vận tải**

Nhiệm vụ chưa hoàn thành theo Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết 36a năm 2017 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018 tại Khoản a, b Điều 8 Phần IV Nghị quyết 36a.

## **7. Bộ Tài nguyên và Môi trường**

a) Nhiệm vụ đã hoàn thành cần báo cáo số liệu triển khai tại Khoản b Điều 9 Phần IV Nghị quyết 36a.

b) Nhiệm vụ chưa hoàn thành theo Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết 36a năm 2017 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018 tại Khoản a Điều 9 Phần IV Nghị quyết 36a.

## **8. Bộ Xây dựng**

a) Nhiệm vụ đã hoàn thành cần báo cáo số liệu triển khai tại Khoản c Điều 9 Phần IV Nghị quyết 36a.

b) Nhiệm vụ chưa hoàn thành theo Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết 36a năm 2017 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018 tại Khoản a Điều 9 Phần IV Nghị quyết 36a.

## **9. Bộ Tư pháp**

a) Nhiệm vụ đã hoàn thành cần báo cáo số liệu triển khai tại Khoản b Điều 10 Phần IV Nghị quyết 36a.

b) Nhiệm vụ chưa hoàn thành theo Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết 36a năm 2017 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018 tại Khoản a, c Điều 10 Phần IV Nghị quyết 36a.

## **10. Bộ Khoa học và Công nghệ**

Nhiệm vụ đã hoàn thành cần báo cáo số liệu triển khai tại Khoản a, b, c Điều 11 Phần IV Nghị quyết 36a.

## **11. Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch**

Nhiệm vụ đã hoàn thành cần báo cáo số liệu triển khai tại Khoản a, b, c Điều 12 Phần IV Nghị quyết 36a.

## **12. Bộ Y tế**

a) Nhiệm vụ đã hoàn thành cần báo cáo số liệu triển khai tại Khoản b, d Điều 13 Phần IV Nghị quyết 36a.

b) Nhiệm vụ chưa hoàn thành theo Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết 36a năm 2017 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018 tại Khoản a, c, d Điều 13 Phần IV Nghị quyết 36a.

### **13. Bảo hiểm xã hội Việt Nam**

Nhiệm vụ cần báo cáo số liệu triển khai tại Khoản b, c Điều 14 Phần IV Nghị quyết 36a.

### **14. Bộ Nội vụ**

a) Nhiệm vụ đã hoàn thành cần báo cáo số liệu triển khai tại Khoản c Điều 12 Phần IV Nghị quyết 36a.

b) Nhiệm vụ chưa hoàn thành theo Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết 36a năm 2017 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018:

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức trên phạm vi toàn quốc - thời hạn 01/01/2017: ...

c) Nhiệm vụ cụ thể về xây dựng Chính phủ điện tử tại Nghị quyết 01 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018 tại nhiệm vụ số 156 Phụ lục II Nghị quyết 01.

### **15. Bộ Công Thương**

a) Nhiệm vụ đã hoàn thành cần báo cáo số liệu triển khai tại Khoản b Điều 16 Phần IV Nghị quyết 36a.

b) Nhiệm vụ chưa hoàn thành theo Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết 36a năm 2017 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018 tại Khoản a Điều 16 Phần IV Nghị quyết 36a.

### **16. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Nhiệm vụ đã hoàn thành cần báo cáo số liệu triển khai tại Điều 17 Phần IV Nghị quyết 36a.

### **17. Bộ Công an**

Nhiệm vụ đã hoàn thành cần báo cáo số liệu triển khai tại Điều 18 Phần IV Nghị quyết 36a.

### **18. Bộ Ngoại giao**

Nhiệm vụ đã hoàn thành cần báo cáo số liệu triển khai tại Điều 19 Phần IV Nghị quyết 36a.

### **19. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

a) Nhiệm vụ đã hoàn thành cần báo cáo số liệu triển khai tại Khoản b Điều 18 Phần IV Nghị quyết 36a.

b) Nhiệm vụ cụ thể về xây dựng Chính phủ điện tử tại Nghị quyết 01 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018 tại nhiệm vụ số 157 Phụ lục II Nghị quyết 01.

### **20. Thanh tra Chính phủ**

Nhiệm vụ chưa hoàn thành theo Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết 36a năm 2017 và kế hoạch, mục tiêu trong thời gian tiếp theo của năm 2018 tại Khoản a, b Điều 21 Phần IV Nghị quyết 36a.

### 21. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội

- Nâng cấp hệ thống điều khiển tín hiệu giao thông và ứng dụng công nghệ thông tin trong điều khiển để giảm thời gian ùn tắc giao thông, làm cơ sở hình thành hệ thống giao thông thông minh - thời hạn 01/01/2017: ...

- Trước 01/10/2016, tỷ lệ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử đạt 10-15%: ...

- Trước ngày 01/01/2017, tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng điện tử đạt 10%: ...

### 22. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Hoàn thành xây dựng hệ thống điều khiển tín hiệu giao thông và ứng dụng công nghệ thông tin trong điều khiển để giảm thời gian ùn tắc giao thông, làm cơ sở hình thành hệ thống giao thông thông minh - thời hạn 01/01/2017: ...

- Trước 01/10/2016, tỷ lệ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử đạt 10-15%: ...

- Trước ngày 01/01/2017, tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng điện tử đạt 10%: ...

## II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Đối với bộ, ngành

STT	Bộ, ngành	Số lượng DVCTT 3, 4 hiện tại	Số lượng DVCTT xây dựng, triển khai Quý I/2018		Số lượng HS tiếp nhận, giải quyết trực tuyến	Ghi chú
			Mức 3	Mức 4		
...	Bộ ...					

Đối với địa phương

STT	Tỉnh/Thành phố	Số lượng DVCTT xây dựng, triển khai Quý I/2018		Số lượng HS tiếp nhận, giải quyết trực tuyến		Ghi chú
		Mức độ 3	Mức độ 4	Mức độ 3	Mức độ 4	
...	Tỉnh/thành phố...					

## III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾT NỐI, LIÊN THÔNG, GỬI, NHẬN VĂN BẢN ĐIỆN TỬ

1. Hiện trạng triển khai triển khai Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (QLVBDH) và Trục liên thông văn bản nội bộ

a) Hiện trạng triển khai Hệ thống QLVBDH và Trục liên thông văn bản nội bộ của bộ, ngành, địa phương thuộc trường hợp nào sau đây:

Trường hợp 1: Hệ thống QLVBDH dùng chung của bộ, ngành, địa phương đã được tất cả các đơn vị sử dụng

Trường hợp 2: Bộ, ngành, địa phương có hệ thống QLVBDH dùng chung triển khai cho một số đơn vị và một số đơn vị có hệ thống dùng riêng, nhưng tất cả các hệ thống này đã kết nối, liên thông

Trường hợp 3: Bộ, ngành, địa phương có hệ thống QLVBDH dùng chung triển khai cho một số đơn vị và một số đơn vị có hệ thống dùng riêng, nhưng các hệ thống này chưa kết nối, liên thông

*Nếu thuộc trường hợp 3, cung cấp thông tin sau:*

- Số lượng đơn vị đã có Hệ thống QLVBDH: ..... đơn vị, tỷ lệ:..... %

- Số lượng đơn vị có Hệ thống QLVBDH đã kết nối, liên thông với Hệ thống QLVBDH dùng chung, Trục liên thông nội bộ: ..... đơn vị, tỷ lệ:..... %

b) Tình hình triển khai xây dựng Trục liên thông văn bản nội bộ của cơ quan kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia?

## 2. Về sử dụng Hệ thống QLVBDH

- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các đơn vị thuộc bộ, ngành, địa phương hoàn toàn dưới dạng điện tử: ..... %

- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các đơn vị thuộc bộ, ngành, địa phương dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy: ..... %

- Thống kê văn bản điện tử: Tổng số văn bản đi thống kê trên hệ thống QLVBDH tại bộ phận Văn thư bộ, ngành, địa phương (gọi tắt là tổng số văn bản điện tử): ..... văn bản

- Thống kê văn bản giấy: Tổng số văn bản đi thống kê trên Sổ đăng ký văn bản đi tại bộ phận Văn thư bộ, ngành, địa phương (gọi tắt là tổng số văn bản giấy): ..... văn bản

- Tỷ lệ giữa tổng số văn bản điện tử/ tổng số văn bản giấy: ..... %

## 3. Về sử dụng chữ ký số trong Hệ thống QLVBDH

a) Tình hình tích hợp chữ ký số trong hệ thống QLVBDH dùng chung

Đã tích hợp

Chưa tích hợp

b) Tần suất trao đổi văn bản điện tử có chữ ký số trung bình mỗi tháng

- Trong nội bộ cơ quan: ...../...../tháng (Số lượng trung bình văn bản điện tử có chữ ký số/Tổng số văn bản điện tử/tháng)

- Với các cơ quan khác: ...../...../tháng (Số lượng trung bình văn bản điện tử có chữ ký số/Tổng số văn bản điện tử/tháng)

## IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

